

Phụ lục II.1

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã QHNS	Danh mục dự án/chủ đầu tư	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định duyệt dự án đầu tư		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch 2025	Kế hoạch 2026 điều chỉnh đến lần 7	trong đó			Tổng điều chỉnh	Điều chỉnh			Kế hoạch 2026 sau điều chỉnh	trong đó		
							Số ngày	TMBT			NSTT	XSCT	Đất		NSTT (kể cả tăng thu)	XSCT	Đất		NSTT	XSCT	Đất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	11.1	11.2	11.3	12	12.1	12.2	12.3	13	13.1	13.2	13.3
			TỔNG CỘNG							4.890.059,043213	562.183	203.000	4.124.876,043213	774.606,032	800.000	0	-25.394	5.664.665	1.362.183	203.000	4.099.482,075213
I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố									1.937.446	111.478	0	1.825.968					2.484.254	620.707	683	1.862.864
I.2	Dự án Khởi công mới 2026									1.937.446	111.478	0	1.825.968	546.808	509.229	683	36.896	2.484.254	620.707	683	1.862.864
1	10.1. Giao thông	8162179	Dự án thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom đường bên trên qua địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư)	xã Xuân Đường, Xuân Quế, Dầu Giây, An Viễn, Bình An, Hưng Thịnh, Trảng Bom, Bình Minh, Tân An	tối đa 06 năm		906/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	10.048.898	0	1.937.446	111.478	0	1.825.968	546.808	509.229	683	36.896	2.484.254	620.707	683	1.862.864
2	10.1 Giao thông	8117856	Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước)	Bù Đăng, Đồng Phú, Chơn Thành, Đồng Xoài	2025	2026	811/QĐ-UBND ngày 11/4/2025; 1504/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	3.977.000		926.425	150.000	0	776.425	300.000	300.000			1.226.425	450.000	0	776.425
3	10.4 Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	7572389	Dự án Kè gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ khu dân cư dọc sông Rạch Cát đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp	phường Trảng Bền, phường Tam Hiệp	Năm 2018	Đến hết năm 2024. (Dự kiến kéo dài qua năm 2025)	3560/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 và điều chỉnh tại số 3664/QĐ-UBND ngày 17/10/2017, 958/QĐ-UBND ngà 18/4/2022, 670/QĐ-UBND ngày 06/4/2023, 531/QĐ-UBND ngày 05/3/2024, 731/QĐ-UBND ngày 05/3/2025	373.171	263.536	0				3.000			3.000	3.000			3.000
II	Sở Khoa học và Công nghệ (lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số)									737.945	0	0	737.945	-6.764			-6764	731.181	0	0	731.181
III	Tiết kiệm 5% tổng chi kế hoạch 2026 theo số Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm									1.263.705	300.705	203.000	760.000	-46.808	-9.229	-683	-36.896	1.216.897	291.476	202.317	723.104
1			Vốn ngân sách tập trung tiết kiệm 5%							300.705	300.705			-9.229	-9.229			291.476	291.476		
2			Nguồn Xổ số kiến thiết tiết kiệm 5%							203.000		203.000		-683		-683		202.317		202.317	
3			Nguồn thu sử dụng đất tiết kiệm 5%							760.000			760.000	-36.896			-36.896	723.104			723.104
IV			Dự phòng các nhiệm vụ (bổ trí cấp sau quyết toán; nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; các dự án đủ điều kiện bổ sung vốn ...)							24.538,043213			24.538,043213	-21.629,968			-21.629,968	2.908,075213			2.908,075213